

Bản án số: 59/2024/DS - ST.

Ngày: 22 - 8 - 2024.

V/v “tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Quốc Hùng.

2. Ông Thạch Hoàng Tha.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST - DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST - DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Sơn Thị K, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp Tú Điền, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Thạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/7/2024) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Triệu Du N – Luật sư của Văn Phòng Luật sư Triệu Du L, thuộc Đoàn Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Sơn Thị N, sinh năm 1980 và bà Sơn Thị T, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

#### 4. Người làm chứng:

4.1. Bà Lâm Thị Sa P, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4.2. Ông Triệu S, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4.3. Ông Đinh Chanh Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/11/2023 của nguyên đơn bà Sơn Thị K, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do chính sách trang trải ruộng đất nên hộ ông Thạch X (chồng của bà K) lúc đó có 90 công đất là hộ đất gốc chỉ được giữ lại 30 công đất còn lại phải chia cho hộ B và nhận hoa lợi mỗi công đất là 750.000 đồng, sau khi trả hoa lợi thì hộ B làm giấy chứng nhận tên hộ B. Trong số hộ B được chia thì có hộ bà Thạch Thị R được chia 03 công, còn lại thì cho mượn sử dụng một phần đất có diện tích 3 công tầm nhỏ thuộc thửa đất số 412, tờ bản đồ 06, đất tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Lý do cho mượn canh tác do hoàn cảnh của bà R khó khăn nên cho mượn sử dụng, khi cho mượn không có làm giấy tờ. Hai bên thỏa thuận khi nào bà Thạch Thị R già yếu trả lại đất cho bà K và bà R đồng ý, hiện nay bà R đã mất, phần đất này con của bà R là bà Lý Thị T vẫn tiếp tục sử dụng. Nay do có nhu cầu sử dụng đất nên bà K yêu cầu bà Lý Thị T trả lại phần đất đã cho bà R mượn. Đồng thời, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định tại thời điểm xem xét thẩm định thì việc xác định ranh để tiến hành đo đạc là do nguyên đơn và bị đơn tự nguyện và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tài sản ngày 11/01/2024, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/01/2024 và chứng thư định giá ngày 04/4/2024, không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bà Lý Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Sơn Thị K phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 2567,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất bà Lý Thị T có số đo 148,24 m; hướng Tây giáp phần đất ông Thạch Phu M có số đo 59,61m + 59,19m + 27,99m; hướng Nam giáp bờ kinh có số đo 17,47m; hướng Bắc giáp phần đất của Sơn H có số đo 17,57m.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lý Thị T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguồn gốc của phần đất này là của bà Sơn Thị K và ông Thạch X. Trước năm 1975, bà K thiếu tiền mẹ bà T nên để cho 10 công đất. Sau đó thì theo chính sách trang trải ruộng đất của nhà nước vào năm 1992 nên chia lại đất thì mẹ bà được nhà nước cấp cho được 06 công còn dư 04 công nhà nước lấy, mỗi năm thì ấp xã đi lấy thuế mẹ bà. Đến năm 1993 thì có chính sách trả hoa lợi cho chủ đất gốc nên mẹ bà T trả cho bà K và ông X 1,5 chỉ vàng 24k tương đương 750.000 đồng/công, trả đủ 06

công đất nên mẹ bà T mới đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mẹ bà T được cấp giấy chứng nhận vào năm 2002. Bà T thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tài sản ngày 11/01/2024, Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/01/2024 và chứng thư định giá 04/4/2024, không yêu cầu định giá lại.

Nay trước yêu cầu của bà K thì bà T không đồng ý vì phần đất này là của mẹ bà T là bà Thạch Thị R đã được nhà nước cấp giấy tờ hợp pháp cho hộ bà R và bà R trực tiếp canh tác đến khi bà R chết thì bà T trực tiếp canh tác cho đến nay.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị N trình bày: Tại thời điểm cấp giấy cho hộ bà Thạch Thị R thì trong hộ của bà R có bà N và em bà N là bà Sơn Thị T. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì đất này của bà R (bà Ngoại), giờ ngoại bà chết để lại cho mẹ bà nên bà không tranh chấp gì.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản Điều 147, Điều 157, Điều 163 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị K buộc bị đơn bà Lý Thị T trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 2567,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Kinh N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Đương sự phải chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/11/2023 của nguyên đơn bà Sơn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn với bị đơn bà Lý Thị T. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị K buộc bị đơn bà Lý Thị T phải trả cho bà K diện tích 2567,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị N và bà Sơn Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng bà Lâm Thị Sa P, ông Triệu S và ông Đinh Chanh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1

Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất xác định:

[4.1] Thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tài sản ngày 11/01/2024, Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/01/2024 phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 2567,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 412, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất bà Lý Thị T có số đo 148,24 m; hướng Tây giáp phần đất ông Thạch Phú M có số đo 59,61m + 59,19m + 27,99m; hướng Nam giáp bờ kinh có số đo 17,47m; hướng Bắc giáp phần đất của Sơn H có số đo 17,57m. Hiện trạng trên phần đất tranh chấp gồm: Đất trồng lúa nước 75 ngày tuổi do bà Lý Thị T trồng.

[4.2] Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Sơn Thị K. Khi nhà nước thực hiện chính sách trang trải ruộng đất của hộ A cho hộ B thì hộ bà Thạch Thị R quản lý, sử dụng cho đến nay. Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 412, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V600907 cho hộ bà Thạch Thị R vào ngày 05/11/2002. Hiện phần đất do bà Lý Thị T trực tiếp quản lý và sử dụng.

[4.3] Thống nhất kết quả định giá tài sản theo chứng thư thẩm định giá số 24061/CT- EXIMVAS ngày 04/4/2024 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định Eximvas.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Sơn Thị K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Thị T phải trả cho bà K diện tích đất thuộc một phần thửa số 412, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng có diện tích theo đo đạc thực tế là 2567,7m<sup>2</sup>, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khẳng định phần đất bị đơn đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của nguyên đơn là bà Sơn Thị K và ông Thạch X (chồng của bà K). Do chính sách trang trải ruộng đất nên hộ ông Thạch Xiêm lúc đó có 90 công đất là hộ đất gốc chỉ được giữ lại 30 công đất còn lại phải chia cho hộ B và nhận hoa lợi mỗi công đất là 750.000 đồng, sau khi trả hoa lợi thì hộ B làm giấy chứng nhận tên hộ B. Trong số Hộ B được chia thì có hộ bà Thạch Thị R 03 công và hộ bà K đã nhận hoa lợi 03 công đất là 750.000 đồng x 03 công = 2.250.000 đồng, gia đình bà Sơn Thị K đã nhận đủ 03 công đất, còn lại thì cho mượn sử dụng một phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 2567,7 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ 06, đất tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Lý do cho mượn canh tác do hoàn cảnh của bà R khó khăn nên cho mượn sử dụng, khi cho mượn chỉ bằng lời nói, không làm văn bản cũng như không có làm giấy tờ. Hai bên thỏa thuận khi nào bà Thạch Thị R già yếu trả lại đất cho

bà K và bà R đồng ý. Hiện nay bà R đã chết, phần đất này con của bà R là bà Lý Thị T vẫn tiếp tục sử dụng. Nay do có nhu cầu sử dụng đất nên bà K yêu cầu bà Lý Thị T trả lại phần đất bà K cho mượn. Còn phía bị đơn bà Lý Thị T cho rằng phần đất trên được nhà nước cấp đất cho hộ bà Thạch Thị R (là mẹ ruột) theo chính sách trang trải ruộng đất vào năm 1993 và hộ bà R đã trả hoa lợi trả cho chủ đất gốc 1,5 chỉ 24k tương đương 750.000 đồng/công, trả đủ 06 công đất nên hộ bà R mới đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mẹ bà được cấp giấy chứng nhận vào ngày 05/11/2002 và đã canh tác từ đó cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc cho hộ bà Thạch Thị R mượn đất. Như vậy phần trình bày của nguyên đơn là không có căn cứ, phần trình bày của bị đơn là có căn cứ.

[5.3] Tại biên bản ghi lời khai ông Đinh Chanh Đ ngày 09/7/2024 và ông Triệu S ngày 03/6/2024 đều xác định bà R được nhà nước chia đất khi thực hiện chính sách trang trải ruộng đất là 06 công, gia đình bà R đã trả đủ hoa lợi cho gia đình bà K và gia đình bà R quản lý sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay.

[5.4] Tại công văn số 23/PTNMT ngày 29/5/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Phú xác định:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 600907 ngày 05/11/2002 cấp cho hộ bà Thạch Thị R đối với thửa đất số 412, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng là đúng đối tượng theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của hộ bà Thạch Thị R, căn cứ pháp lý: khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, Mục I Chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính.

Diện tích thửa đất đo đạc hiện trạng có chênh lệch so với diện tích được cấp giấy chứng nhận là do quá trình đo đạc bản đồ địa chính trước đây chưa chính xác cũng do sự sai sót trong việc đo đạc trước đây. Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013, diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế.

[5.5] Tại Văn bản xác nhận ngày 06/6/2024 do Công an huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xác nhận như sau: Theo trích lục hồ sơ chủ hộ bà Thạch Thị R, sinh năm 1936; địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng vào thời điểm cấp giấy hộ gia đình có 03 thành viên gồm: Bà Thạch Thị R, sinh năm 1936 chủ hộ, Sơn Thị N, sinh năm 1980 cháu và Sơn Thị T, sinh năm 1985 cháu.

[5.6] Đồng thời, Luật đất đai qua các thời kì đều quy định: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*.

[6] Từ những lời thừa nhận của các đương sự, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ chứng minh về hiện trạng quá trình sử dụng thửa đất số 412 như đã phân tích nêu trên, căn cứ vào Điều 163, Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26, Điều 101, Điều 170,

Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, Điều 20, Điều 70, Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp có diện tích là 2567,7m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do bà Lý Thị T quản lý sử dụng và hộ bà Thạch Thị R đứng tên hộ sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V600907 cấp ngày 05/11/2002 nên hộ bà R có đầy đủ quyền của người sử dụng đất. Trên cơ sở đó xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Tổng chi phí là 17.286.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự do yêu cầu nguyên đơn bà Sơn Thị K không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Sơn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà K thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn bà Lý Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị N và bà Sơn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 164, khoản 1 Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163; Điều 166, Điều 169, Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26, Điều 101, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 20, Điều 70, khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị K về việc buộc bà Lý Thị T phải trả cho bà K phần đất có diện tích 2567,7m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 412, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất bà Lý Thị T có số đo 148,24 m; hướng Tây giáp phần đất ông Thạch Phú M có số đo 59,61m + 59,19m + 27,99m; hướng Nam giáp bờ kinh có số đo 17,47m; hướng Bắc giáp phần đất của Sơn H có số đo 17,57m.

*(Đính kèm Phiếu kết quả đo đạc Sơ đồ thửa đất ngày 29-01-2024 của Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng)*

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà Sơn Thị K phải chịu 17.286.000 đồng (mười bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà K thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lý Thị T, bà Sơn Thị N và bà Sơn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Ánh**